

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **217/2020/HNGĐ – ST**  
Ngày 10- 6 - 2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Nguyễn Văn Chót

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST– HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST – HNGĐ ngày 25/5/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; đăng ký thường trú: số 114/2 ấp XHII, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972; đăng ký thường trú: số 114/2 ấp XH II, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Vào năm 2000 chị và anh Nguyễn Văn Q được gia đình hai bên tổ chức đám cưới; hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/02/2000. Trong thời gian sống chung anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Công T, sinh năm 2001, Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2004, hiện nay con chung tên Thanh T đang sống chung với anh Q, đối với con chung tên Công T đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Q có tạo lập được tài sản chung là 01 ngôi nhà và thửa đất tại ấp XH II, xã TT, huyện P. Hiện tài sản trên do anh Q đang quản lý sử dụng. Chị và anh Q không có nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Q là do trong thời gian chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm trong việc chi tiêu quản lý tiền bạc trong gia đình, hiện nay anh chị không còn sống chung, anh Q không quan tâm chăm sóc cho chị và con chung, Do tình cảm giữa chị và anh Q không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Về con chung: Hiện nay con chung đang sống chung với anh Q; anh Q luôn thương yêu chăm sóc tốt cho con chung và con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do con chung tên Thanh T có nguyện vọng sống chung với anh Q nên chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2004 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với chung tên Nguyễn Công T, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Trong thời gian chung sống chị H, anh Q đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị H, anh Q mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số 114/2 ấp XH II, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh Q.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/02/2000. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H, anh Q được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh Q là do bất đồng quan điểm trong việc chi tiêu, quản lý tiền bạc trong gia đình và không còn sống chung. Xét thấy: Hiện nay chị H, anh Q không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác Tòa án đã tạo điều kiện để chị H, anh Q hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H, anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[5] Do chị Nguyễn Thị Hương không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: chị Nguyễn Thị Hương và anh Nguyễn Văn Q có con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2004. Xét thấy: Từ khi chị H và anh Q không còn sống chung thì con chung do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay con chung tên Thanh T có nguyện vọng sống chung với anh Q. Lễ đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hằng ngày của cháu nên cần giao cho anh Q được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh Q không có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chung tên Nguyễn Công T, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Do chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2004. Do anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với chung tên Nguyễn Công T, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung do chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung chị H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009391 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Phê**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Văn Sơn – Lê Văn Tài**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Phê**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ PHÊ**









**Caùc Hoài thaảm nhaân daân  
Chuû toãi phieân toaø**

**Thaảm phaùn –**

**Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt**

**Huyênh Thò Pheâ**





